

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-PT
Ngày: 20-02-2023
V/v “tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 551/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Mỹ B, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Mỹ B, huyện Đức H, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tấn L3, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 367 Quốc lộ 30, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Trần Minh Q, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Mai Văn Bé B, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã Mỹ Hội, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hợp tác xã Dược Liệu Mỹ B.

Địa chỉ: Ấp X, xã Mỹ B, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Mỹ B, huyện Đức H, tỉnh Long An.

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Đồng Tháp M.

Địa chỉ: 367 Quốc lộ 30, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn L3, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2020, ngày 15/10/2020, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 08/6/2014, Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ Mỹ B người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn L1 (tên hiện tại là Hợp tác xã Dược liệu Mỹ B do ông Nguyễn Ngọc C là người đại diện theo pháp luật) lập hợp đồng cho bà L thuê 69.807m² đất, gồm 03 thửa: 229, 230, 227, tờ bản đồ số 3, tại xã Mỹ B, huyện Đức H. Ngoài ra, bà L thuê thêm lô đất của ông Đạt liền kề 20.000m².

Ngày 29/01/2018, công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Đồng Tháp M (gọi tắt là Công ty Đồng Tháp M), đại diện là ông Nguyễn Tấn L3 lập hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với bà L. Nội dung đầu tư và tiêu thụ hết sản phẩm, diện tích lúa giao là 80.000m². Loại giống lúa DST (Nhật). Bà L thống nhất hợp đồng bán lúa tươi cho Công ty giá 5.600 đồng/kg. Công ty cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật cho bà L đến cuối vụ thay cho tiền đặt cọc (tương đương 1.000.000 đồng/1.000m²).

Ngày 29/01/2018, căn cứ theo hợp đồng của Công ty Đồng Tháp M, ông L1 làm tờ cam kết với bà L canh tác diện tích 80.000m² giống lúa Nhật, nếu năng suất dưới 600 kg/1.000m² thì bù lại cho bà L đủ 600 kg/1.000m² theo giá hợp đồng và hỗ trợ thêm 200 đồng/kg lúa tươi.

Sau khi hợp đồng, bà L đã nhận lúa giống, vật tư tổng cộng số tiền là 123.010.000 đồng để gieo sạ. Sau 04 tháng, bà L thu hoạch lúa. Đại diện công ty là ông Q đến nhận lúa. Sản lượng 80.000m² thu hoạch được 17.368 kg, giá bán 5.800 đồng/kg thành tiền 100.734.000 đồng.

Theo sản lượng lúa thu hoạch thì 1.000m² chỉ đạt 217,1 kg lúa tươi. Vì vậy, theo cam kết ông L1 phải bù lỗ cho bà L là 382,9 kg/1.000m² tức là 80.000m² phải bù 30.632 kg với giá 5.800 đồng/kg, thành tiền 177.665.600 đồng.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông L1 bồi thường cho bà L 177.665.600 đồng.

Bà L không có yêu cầu đối với tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai 28/12/2020, quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Văn trình bày:

Ông L1 thống nhất lời trình bày của bà L về diện tích đất bà L canh tác lúa Nhật, hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giữa bà L và Công ty Đồng Tháp M, cam kết bồi thường của ông L1 cho bà L nếu sản lượng lúa không đạt, công ty cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đúng theo thỏa thuận, có kỹ sư thăm đồng. Ông L1 không đồng ý bồi thường cho bà L 177.665.600 đồng vì ông L1 ký cam kết với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Mỹ B, ngày cân lúa không có người đại diện của công ty Đồng Tháp M nên ông L1 ở cách chỗ cân lúa 30m nhưng không ra xem cân lúa, cân lúa cho ai ông L1 không biết, việc cân lúa không có hóa đơn chứng từ của Công ty Đồng Tháp M, nên không biết số lượng chính xác lúa thu hoạch được của 80.000m² bà L canh tác.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2020, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh Q trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà L về diện tích đất bà L canh tác lúa Nhật, hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giữa bà L và Công ty Đồng Tháp M. Do bà L sợ giống lúa mới canh tác không đạt năng suất nên ông L1 ký cam kết bồi thường cho bà L. Sau khi ký hợp đồng Công ty cung cấp giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật theo đúng hợp đồng. Ngày 05/6/2018, bà L thu hoạch lúa đạt sản lượng 17.368kg/80.000m².

Tại bản tự khai ngày 28/12/2020, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L3 trình bày:

Ngày 29/01/2018, ông đại diện Công ty Đồng Tháp M có ký hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa, với nội dung: Công ty đầu tư giống, thuốc bảo vệ thực vật,... đến cuối vụ thu mua lại lúa tươi với giá 5.600 đồng/kg. Công ty đã thực hiện đầy đủ các điều kiện trong hợp đồng. Giấy cam kết giữa ông L1 và bà L có sự chứng kiến của đại diện công ty và có ký xác nhận làm chứng.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Bé B trình bày:

Ông là người chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn với bà L. Bà L ký hợp đồng sản xuất lúa ông không biết. Ông chỉ nhớ (không chính xác thời gian) ông L1 đến chòi ruộng bà L lúc 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều thì về. Bà L cho ghe lúa chạy đi lúc nào ông không biết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H đã căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” đối với ông Phạm Văn L1 số tiền bồi thường thiệt hại 177.665.600 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu 8.883.280 đồng tiền án phí, khấu trừ 4.441.640 đồng (theo biên lai thu số 0008806 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H) tiền tạm ứng án phí. Bà L có nghĩa vụ nộp thêm 4.441.640 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày nội dung kháng cáo: Ngày 29/01/2018, ông L1 làm tờ cam kết với bà L canh tác diện tích 80.000m² giống lúa Nhật, nếu năng suất dưới 600 kg/1.000m² thì bù lại cho bà L đủ 600 kg/1.000m² theo giá hợp đồng và hỗ trợ thêm 200 đồng/kg lúa tươi. Theo sản lượng lúa thu hoạch thì 1.000m² chỉ đạt 217,1 kg lúa tươi. Vì vậy, theo cam kết ông L1 phải bù lỗ cho bà L là 382,9 kg/1.000m² tức là 80.000m² phải bù 30.632 kg với giá 5.800 đồng/kg thành tiền 177.665.600 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn L1 trình bày: Bà L tự ý cho cân lúa và chuyển lúa đi từ lúc nào không ai biết. Ngày cân lúa không có người đại diện của Công ty Đồng Tháp M lên, lúa được cân cho ai ông L1 không biết. Vì khi cân lúa không có mặt ông L1, việc cân lúa không có hóa đơn chứng từ của Công ty Đồng Tháp M, nên không biết số lượng chính xác lúa thu hoạch được của 80.000m² bà L canh tác. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Ngày 29/01/2018, bà L ký với Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Đồng Tháp M hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa nội dung là đầu tư và tiêu thụ hết sản phẩm diện tích lúa 80.000m², bà L bán lúa tươi theo giá cố định là 5.600đ/kg lúa. Cùng ngày, căn cứ theo hợp đồng của Công ty Đồng Tháp M, ông L1 làm tờ cam kết với bà L canh tác diện tích 80.000m² giống lúa Nhật, nếu năng suất dưới 600kg/1.000m² thì bù lại cho bà L đủ 600 kg/1.000m² theo giá hợp đồng và hỗ trợ thêm 200 đồng/kg lúa tươi. Khoảng tháng 5/2018, bà L thu hoạch lúa. Ngày cân lúa không có người đại diện của Công ty Đồng Tháp M, lúa được cân cho ai ông L1 không biết. Công ty Đồng Tháp M không xuất hóa đơn chứng từ cho bà L để chứng minh số lượng lúa bà L thu hoạch là bao nhiêu. Bà L có cung cấp giấy viết tay có chỉnh sửa số liệu cân lúa nhưng không đủ cơ sở chứng minh lúa do Công ty Đồng Tháp M thu mua và sản lượng lúa trên 80.000m² là 17.368kg.

Chứng cứ bà L cung cấp không đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình về việc yêu cầu ông Phạm Văn L1 bồi thường số tiền 177.665.000 đồng. Kháng cáo của bà L không có cơ sở chấp nhận. Bà L thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Phạm Văn L1 có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà L số tiền 177.665.600 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, thấy rằng:

Ngày 29/01/2018, công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Đồng Tháp M (gọi tắt là Công ty Đồng Tháp M), đại diện là ông Nguyễn Tấn L3 và bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa số 01/HĐSXTT/2018. Nội

dung đầu tư và tiêu thụ hết sản phẩm, diện tích lúa giao là 80.000m². Loại giống lúa DST (Nhật). Bà L thống nhất hợp đồng bán lúa tươi cho Công ty giá 5.600 đồng/kg. Công ty cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật cho bà L đến cuối vụ thay cho tiền đặt cọc (tương đương 1.000.000 đồng/1.000m²).

Căn cứ theo hợp đồng 01/HĐSXTT/2018 được xác lập giữa Công ty Đồng Tháp M và bà L. Cùng ngày 29/01/2018, ông Phạm Văn L1 làm tờ cam kết với bà L canh tác diện tích 80.000m² giống lúa Nhật, nếu năng suất dưới 600 kg/1.000m² thì bù lại cho bà L đủ 600 kg/1.000m² theo giá hợp đồng và hỗ trợ thêm 200 đồng/kg lúa tươi. Ông L1 ký tên với tư cách giám đốc hợp tác xã Mỹ B, có dấu mộc của hợp tác xã Mỹ B.

Khoảng tháng 5/2018, bà L thu hoạch lúa nhưng khi cân lúa không có người đại diện của Công ty Đồng Tháp M lên, lúa được cân cho ai ông L1 không biết, Công ty Đồng Tháp M không xuất hóa đơn chứng từ cho bà L để chứng minh số lượng lúa bà L thu hoạch là bao nhiêu. Bà L có cung cấp giấy viết tay có chỉnh sửa số liệu cân lúa nhưng không đủ cơ sở chứng minh lúa do Công ty Đồng Tháp M thu mua và sản lượng lúa trên 80.000m² là 17.368kg. Do đó, bà L yêu cầu ông L1 bồi thường là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu của bà L là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là đúng quy định Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L yêu cầu xem xét miễn án phí vì hiện nay bà đã đủ 60 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định pháp luật. Yêu cầu này của bà L phù hợp với các Điều 12, 14, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H về án phí.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584,

Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” đối với ông Phạm Văn L1 số tiền bồi thường thiệt hại 177.665.600 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 4.441.640 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008806 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005323 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H, tỉnh Long An.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức H;
- Chi cục THA huyện Đức H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân